

Số: 133/QĐ-THCSPM

Nậm Kè, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt học sinh được hưởng chế độ miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT THCS PÁ MỠ

Căn cứ Điều 11, thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học quy định quyền hạn và chức năng của Hiệu trưởng;

Căn cứ vào thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT, ngày 06/02/2023 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định mức học phí từ năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ công văn số 2776/SGDĐT-KHTC V/v hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Căn cứ hướng dẫn số 278/UBND-VHXXH, ngày 22/9/2025 của UBND xã Nậm Kè V/v hướng dẫn xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026;

Căn cứ và kết quả xét duyệt học sinh được hưởng chế độ miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập của Hội đồng xét duyệt học sinh được hưởng chế độ miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026 của trường PTDTBT THCS Pá Mỡ;

Xét đề nghị của Hội đồng xét duyệt học sinh được hưởng chế độ miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt học sinh được hưởng chế độ miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định này là căn cứ để thực hiện chính sách miễn học phí và

hỗ trợ chế độ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026 cho học sinh. Kế toán nhà trường, các cá nhân và bộ phận liên quan hoàn thiện thủ tục chi trả chế độ và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí. Kế toán nhà trường, các cá nhân và bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng VH-XH (b/c);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lò Văn Thanh

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT MIỄN VÀ CẤP BÙ HỌC PHÍ
4 THÁNG CUỐI NĂM 2025, NĂM HỌC 2025 – 2026
TRƯỜNG: PTDTBT THCS PÁ MỖ

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-THCSPM ngày 15/10/2025 của trường PTDTBT THCS Pá Mỗ)

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức học phí được miễn/tháng	Mức học phí được cấp bù/tháng	Số tháng được cấp bù	Tổng số tiền cấp bù	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã	
									Bản	Xã
1	2	3	4	5	6	7	8=6*7	9	10	11
1	Giàng Thị Bầu	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Cha	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
2	Sùng Thị Bầu	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Thái	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
3	Ma Thị Chi	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma A Páo	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
4	Giàng A Chỉ	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Chồng	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
5	Vàng Thị Cừ	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Lùng	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
6	Giàng A Dĩ	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Lênh	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
7	Lù Thị Ngọc Diệp	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lù Văn Tuấn	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
8	Lý Mùi Diết	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Tồn Mán	Bản Huổi Lự 3	Nậm Kè
9	Giàng A Dương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Seo Páo	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
10	Chảo Phương Đào	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Lỡ	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
11	Ma Thị Gầu	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma A Lý	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
12	Sùng Thị Gầu	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Vư	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
13	Giàng Thị Ghênh	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Thảo	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
14	Chảo Văn Hải	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Ton Hang	Bản Huổi Lự 3	Nậm Kè
15	Chảo Cô Hương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Phủ Sềng	Bản Huổi Lự 1	Nậm Kè
16	Chảo Thu Hương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Ton Nhẹ	Bản Huổi Lự 3	Nậm Kè
17	Lò Thị Quỳnh Hương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lò Văn Việt	Bản Pá Mỗ 1	Nậm Kè
18	Sùng Thị Khâu	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Páo	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
19	Kháng A Kiều	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Kháng Seo Pe	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
20	Hoàng Thị Lan	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Hoàng Văn Sự	Bản Huổi Lự 1	Nậm Kè
21	Vàng Thị Lia	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Tác	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
22	Sùng Thị Ly	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Sang	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè

23	Sùng Thị Lý	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Dìn	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
24	Giàng Thị Mai	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Chao	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
25	Phồng Lở Mấy	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phồng Sênh Tinh	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
26	Thào A Minh	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Khái	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
27	Sùng Thị Mò	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Chinh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
28	Phùng Thị Ngoan	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Tà Kiêu	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
29	Tần Thị Kiều Oanh	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo Lở	Bản Huỗi Lự 1	Nậm Kè
30	Đặng Chòi Phấu	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Tòn San	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
31	Lý Thu Phương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Nhè	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
32	Vàng Thị Phương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Mênh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
33	Giàng A Sàng	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
34	Giàng Thị Sương	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Tớ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
35	Điêu Thùy Trang	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Điêu Văn Nghĩa	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
36	Giàng A Tú	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dinh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
37	Lý Thị Vi	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Nhè	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
38	Giàng A Anh	6A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Cha	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
39	Giàng Thị Bốc	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Hè	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
40	Chảo Chăn Cao	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Phụ Mênh	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
41	Thào Thị Chanh	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Chùa	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
42	Lý Thị Chi	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Nhè	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
43	Lý A Chi	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Sầu	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
44	Chảo A Chiêu	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo A Lử	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
45	Bản Mùi Diết	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Bản Đào Phin	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
46	Bản Văn Dương	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Bản Sàng Quảng	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
47	Thào A Đăng	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Giổng	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
48	Chảo Phụ Hìn	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Tả	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
49	Lò Việt Hưng	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lò Văn Ngoan	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
50	Vừ A Khánh	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vừ A Ly	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
51	Đặng Mùi Khé	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Tòn Diết	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
52	Phùng Chòi Liềm	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Tà Này	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
53	Vàng Sành Liều	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Xuân Tin	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè

54	Giàng Thị Lú	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dè	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
55	Phùng Mùi Mây	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Ton San	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
56	Lý Thị Phương Mẻ	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Tỏa	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
57	Đặng Phú Minh	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Đào Tinh	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
58	Phùng Thúy Nga	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Kiềm Nhân	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
59	Hàng Gia Nghĩa	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Hàng A Chảo	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
60	Lý Việt Phúc	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Láo Lù	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
61	Tần Duy Phúc	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo Lở	Bản Pá Mỹ 2	Nậm Kè
62	Lầu Thị Si	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Và	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
63	Hàng Thị Sớ	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Hàng A Vảng	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
64	Giàng Thị Sua	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sảo	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
65	Lầu A Thận	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Tủa	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
66	Đặng Thị Thơm	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Tồn Phin	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
67	Chảo Thị Thu	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Tả	Bản Huổi Lự 2	Nậm Kè
68	Lý A Thuận	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Sa	Bản Co Lót 1	Mường Nhé
69	Giàng Thị Trang	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Káng	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
70	Phùng Thị Trúc	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Trần Nhân	Bản Huổi Lự 2	Nậm Kè
71	Vàng Viện Uyên	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Lão Si	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
72	Vàng Thị Vân	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Láo Tả Liềm	Bản Pá Mỹ 2	Nậm Kè
73	Giàng Thị Xía	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dế	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
74	Lý Xuân Xy	6A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Páo	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
75	Vàng Văn Đại An	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Lão Si	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
76	Giàng Thị Bông Bay	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Tú	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
77	Kháng Thị Bia	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Kháng A Chảo	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
78	Tráng Thị Chàng	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Thị Dở	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
79	Vàng Thị Chi	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Cát	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
80	Lầu A Chờ	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Chu	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
81	Giàng Thị Dợ	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Tề	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
82	Giàng Thị Kim Dung	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Nhia	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
83	Giàng Thị Giải	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Vàng	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
84	Chớ A Giông	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chớ A Khẩu	Bản Tàng Phon	Nậm Kè

85	Giàng Đức Hải	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Thị Mây	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
86	Thào Xuân Hán	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Khái	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
87	Giàng Thị Hoa	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
88	Giàng Thị Khur	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Lồng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
89	Giàng Thị Lau	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Phải	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
90	Lý A Lâu	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Lử	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
91	Tần Thị Mai	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Phủ Chiêu	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
92	Giàng Minh Phúc	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dế	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
93	Giàng Thị Ngọc Phương	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
94	Giàng Thị Sinh	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Hờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
95	Lý A Song	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phàng Thị Nú	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
96	Giàng Thị Sơ	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
97	Giàng Thị Sơ	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
98	Giàng Thị Sơ	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Thị Dí	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
99	Giàng A Thanh	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Tổng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
100	Chào Thị Thảo	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chào Láo Lở	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
101	Vàng A Thương	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Si	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
102	Thào A Trường	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào Seo Dế	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
103	Giàng Thị Tùng	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Páo	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
104	Giàng Thị Vé	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
105	Giàng Thị Lang Vinh	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dững	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
106	Giàng Thị Xinh	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Mờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
107	Lầu A Anh	7A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Trừ	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
108	Chào Văn Anh	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chào Duần Sinh	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
109	Vàng Ngọc Anh	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Láo San	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
110	Thào Thị Bầu	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Đại	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
111	Giàng A Chinh	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Chủ	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
112	Vàng A Cường	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Sênh	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
113	Ma Thị Dính	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma Seo Pháng	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
114	Sùng Thị Dính	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Phía	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
115	Lầu Thị Dưa	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Dinh	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè

116	Lầu A Dung	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Giáo	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
117	Tần Văn Đạt	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo San	Bản Pá Mỹ 2	Nậm Kè
118	Lý A Đông	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Thị Cú	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
119	Giàng A Hoàng	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Si	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
120	Lầu A Hủa	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Vàng	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
121	Lầu Thị Li	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Nhè	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
122	Chảo Văn Long	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Ton Hang	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
123	Phùng Thị Mai	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Mùi Pham	Bản Huổi Lụ 2	Nậm Kè
124	Vàng Sử Mẫy	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Xuân Phây	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
125	Tần Trà My	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo Tả	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
126	Chảo Mùi Nải	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Pà	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
127	Bản Minh Nguyệt	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Mùi Pham	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
128	Trần Chỏi Nhân	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Thị Phái	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
129	Chảo Sảnh Phây	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Cà Toan	Bản Huổi Lụ 2	Nậm Kè
130	Giàng A Phử	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Lệnh	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
131	Ma Thị Sáu	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma Seo Phử	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
132	Sùng Thị Sơ	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Di	Bản Nậm Hính 1	Mường Toong
133	Phùng Văn Sơn	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Trần Và	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
134	Tần Thắng Sơn	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Lụ Mẫy	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
135	Giàng Thị Thu	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Hè	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
136	Lầu Thị Pà Xe	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Giờ	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
137	Giàng Thị Xia	7A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sía	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
138	Chó A An	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chó A Khẩu	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
139	Giàng Tuấn Anh	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Phử	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
140	Giàng A Chia	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Thị So	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
141	Vàng Đức Cường	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Lù Mẫy	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
142	Sùng A Dão	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Tánh	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
143	Giàng Xăng Dầu	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Lệnh	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
144	Giàng Thị Dí	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dinh	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
145	Chảo Mẫy Diện	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Tả	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
146	Lý Thị Dù	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tráng A Phùa	Bản Huổi Pét	Nậm Kè

147	Sùng Thị Dung	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Vư	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
148	Giàng A Hải	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Chứ	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
149	Vàng Thị Hoa	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Láo Tả	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
150	Thào A Hồng	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Đai	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
151	Chảo Mùi Lai	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Sành Lìn	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
152	Tần Thị Thu Lan	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo San	Bản Pá Mỹ 2	Nậm Kè
153	Tráng A Làng	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tráng A Trứ	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
154	Giàng Thị Liên	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Thị Cở	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
155	Đặng Láo Lở	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Tà Ủ	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
156	Lý San Mấy	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Chín Thìn	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
157	Sùng A Minh	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Sinh	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
158	Sùng A Mông	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Hầu Thị Pờ	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
159	Giàng Thị Nhia	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Chao	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
160	Giàng Thị Nu	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Seo Chá	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
161	Hàng Hình Quân	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Hàng A Vảng	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
162	Lầu A Sảng	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Sầu	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
163	Đặng Mùi Sẻnh	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Ton Khẻ	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
164	Giàng A Sinh	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Pẻnh	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
165	Ma Thị Sông	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma A Lý	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
166	Giàng A Sừ	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Lao	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
167	Phản Láo Sừ	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phản Phổng Chu	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
168	Hờ A Tang	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Thị Đế	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
169	Lý A Tớ	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Thị Chứa	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
170	Giàng Thị Si Xua	8A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sảo	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
171	Chu Ngọc Ánh	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chu Văn Long	Bản Phiềng Vai	Nậm Kè
172	Lý Thị Chi	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Sầu	Bản Pá Mỹ 3	Nậm Kè
173	Kháng A Chi	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Kháng Seo Pe	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
174	Chảo Sành Chiêu	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Quầy Phấu	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
175	Chảo Văn Chiêu	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Chồng Phấu	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
176	Giàng A Chính	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Mờ	Bản Pá Mỹ 1	Nậm Kè
177	Ma A Chua	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma A Thanh	Bản Tàng Phon	Nậm Kè

178	Giàng A Coái	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dính	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
179	Giàng A Dờ	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Thị Mỹ	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
180	Giàng A Hùng	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Páo	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
181	Vàng A Khánh	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Mãnh	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
182	Phùng Mùi Khé	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Tà Này	Bản Huổi Lụ 2	Nậm Kè
183	Sùng Thị Kía	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng Seo Dìn	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
184	Bản Mùi Kiều	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Bản Sành Quảng	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
185	Phùng Vàng Lâm	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phùng Chòi Lìn	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
186	Tần Sủ Liều	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Phụ Triên	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
187	Vừ Thị Linh	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lờ Thị Mỹ	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
188	Thào Thị Ly	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Thào A Sà	Bản Pá Mý 3	Nậm Kè
189	Lý Thị Mấy	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Tồn Phảy	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
190	Vàng A Mông	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Sì	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
191	Chảo Mùi Nải	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Cà Toan	Bản Huổi Lụ 2	Nậm Kè
192	Chảo Ton Nhện	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Tồn Sảnh	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
193	Vàng Thị Nhi	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Hàng Thị La	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
194	Lý Thị Phạm	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Tồn Khé	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
195	Phàng Thị Sa	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Thị Cú	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
196	Lầu Thị Sênh	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Dính	Bản Pá Mý 3	Nậm Kè
197	Tần Sàng Sơn	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Tả Mấy	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
198	Lý A Thanh	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Dia	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
199	Tần Đức Thắng	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Cáo Dững	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
200	Đặng Thị Tuyết	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Tồn Phán	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
201	Chảo Thúy Vân	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Lở	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
202	Giàng Thị Về	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Chính	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
203	Tần Thị Thảo Vy	8A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần A Khé	Bản Pá Mý 2	Nậm Kè
204	Sùng Văn Ánh	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Vư	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
205	Sùng Thị Dương	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Thị Chứ	Bản Pá Mý 1	Nậm Kè
206	Tráng Thị Đan	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tráng A Trứ	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
207	Phản Ngọc Hoa	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Sủ Mấy	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
208	Chảo Văn Hòa	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Duần Sinh	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè

209	Phàn Thị Mai Huân	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phàn Phú Chấn	Bản Huỗi Lụ 1	Nậm Kè
210	Nguyễn Minh Hùng	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đàm Thị Hòa	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
211	Chảo Thị Linh	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Láo Khờ	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
212	Đặng Mùi Liu	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Mùi Pham	Bản Huỗi Lụ 2	Nậm Kè
213	Vàng Thị Lừ	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng A Lùng	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
214	Sùng Xuân Mạnh	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Sinh	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
215	Giàng Thị Mỹ	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Hờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
216	Giàng Thị Dung Nhi	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Tú	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
217	Chèo Thị Nhung	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chèo Chín Khuôn	Bản Huỗi Lụ 1	Nậm Kè
218	Tần Thị Ngọc Nhung	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo Lở	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
219	Tránh Chòi On	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Thị Phái	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
220	Lầu Thị Pe	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Vàng	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
221	Giàng Xuân Phiêu	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Dũng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
222	Giàng A Phổng	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Lồng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
223	Lầu Thị Sế	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lầu A Sầu	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
224	Lý A So	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Nhè	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
225	Tần Đức Thắng	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo Ú	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
226	Tần Minh Văn	9A1	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Sài Siêu	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
227	Giàng A Đồng	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Cha	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
228	Sùng Thị Dung	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Thái	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
229	Cà Tùng Dương	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Cà Văn Ảnh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
230	Giàng A Đạt	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Phái	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
231	Ma A Đồng	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Ma A Thanh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
232	Giàng A Giồng	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Thị Chấu	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
233	Sùng Đức Hiếu	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Sùng A Thè	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
234	Giàng A Hoàng	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng Thị Cờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
235	Vàng Quang Huy	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vàng Láo Lở	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
236	Tần Thị Thu Hương	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phản Lở Mảy	Bản Huỗi Lụ 1	Nậm Kè
237	Tần Thị Khé	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Mùi Diết	Bản Huỗi Lụ 2	Nậm Kè
238	Giàng Thị Lan	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A De	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
239	Lý Thị Mề	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Phừ	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè

240	Chảo Cờ Mũi	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần Láo Tả	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
241	Tần San Mây Nhàn	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tần A Khé	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
242	Chảo Xuân Páo	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Phủ Sềng	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
243	Phùng Thuý Phương	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Đặng Mùi Mẩn	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
244	Sần Dùn Quăng	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Chảo Mùi Phảy	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
245	Lý Hồng Quân	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý A Nhè	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
246	Giàng Thị Sinh	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
247	Lý Chàn Sinh	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Lý Láo Lù	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
248	Tráng A Thá	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Tráng A Ly	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
249	Vừ Thị Thu	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Vừ A Ly	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
250	Phàn Thuỷ Tiên	9A2	KVIII	10.000	10.000	4	40.000	Phàn Láo Sử	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè

Danh sách gồm có 250 học sinh./.

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
4 THÁNG CUỐI NĂM 2025, NĂM HỌC 2025 – 2026
TRƯỜNG: PTDTBT THCS PÁ MỠ

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-THCS PM ngày 15/10/2025 của trường PTDTBT THCS Pá Mỳ)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)	
								Bản	Xã
1	2	3	4	5	6	7=5*6	8	9	10
1	Giàng Thị Bàu	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Cha	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
2	Sùng Thị Bàu	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Thái	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
3	Ma Thị Chi	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Ma A Páo	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
4	Giàng A Chi	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Chồng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
5	Vàng Thị Cừ	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Lùng	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
6	Giàng A Di	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Lênh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
7	Lù Thị Ngọc Diệp	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lù Văn Tuấn	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
8	Lý Mùi Diết	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Tồn Mán	Bản Huổi Lự 3	Nậm Kè
9	Giàng A Dương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Seo Páo	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
10	Chảo Phương Đào	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Lở	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
11	Ma Thị Gầu	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Ma A Lý	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
12	Sùng Thị Gầu	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Vư	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
13	Giàng Thị Ghênh	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Thào	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
14	Chảo Văn Hải	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Ton Hang	Bản Huổi Lự 3	Nậm Kè
15	Chảo Cô Hương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Phủ Sềng	Bản Huổi Lự 1	Nậm Kè
16	Chảo Thu Hương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Ton Nhẹ	Bản Huổi Lự 3	Nậm Kè
17	Lò Thị Quỳnh Hương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lò Văn Việt	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
18	Sùng Thị Khâu	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Páo	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
19	Kháng A Kiều	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Kháng Seo Pe	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
20	Hoàng Thị Lan	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Hoàng Văn Sự	Bản Huổi Lự 1	Nậm Kè
21	Vàng Thị Lia	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Tác	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè

22	Sùng Thị Ly	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Sang	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
23	Sùng Thị Lỳ	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Dìn	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
24	Giàng Thị Mai	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Chao	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
25	Phồng Lở Mẩy	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Phồng Sênh Tinh	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
26	Thào A Minh	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Khái	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
27	Sùng Thị Mò	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Chinh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
28	Phùng Thị Ngoan	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Tà Kiêu	Bản Huỗi Lụ 3	Nậm Kè
29	Tần Thị Kiêu Oanh	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo Lở	Bản Huỗi Lụ 1	Nậm Kè
30	Đặng Chòi Phấu	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Tồn San	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
31	Lý Thu Phương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Nhè	Bản Huỗi Lụ 3	Nậm Kè
32	Vàng Thị Phương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Mênh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
33	Giàng A Sàng	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
34	Giàng Thị Sương	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Tớ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
35	Điêu Thùy Trang	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Điêu Văn Nghĩa	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
36	Giàng A Tú	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Đình	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
37	Lý Thị Vi	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Nhè	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
38	Giàng A Anh	6A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Cha	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
39	Giàng Thị Bốc	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Hè	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
40	Chảo Chấn Cao	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Phụ Mênh	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
41	Thào Thị Chanh	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Chùa	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
42	Lý Thị Chi	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Nhè	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
43	Lý A Chi	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Sầu	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
44	Chảo A Chiêu	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo A Lử	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
45	Bản Mùi Diết	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Bản Đào Phin	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
46	Bản Văn Dương	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Bản Sàng Quảng	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
47	Thào A Đăng	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Giống	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
48	Chảo Phụ Hìn	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Tả	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
49	Lò Việt Hưng	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lò Văn Ngoan	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
50	Vừ A Khánh	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vừ A Ly	Bản Huỗi Pét	Nậm Kè
51	Đặng Mùi Khé	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Tồn Diết	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
52	Phùng Chòi Liềm	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Tà Này	Bản Huỗi Lụ 2	Nậm Kè

53	Vàng Sánh Liễu	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Xuân Tín	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
54	Giàng Thị Lú	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Dè	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
55	Phùng Mùi Mẩy	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Ton San	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
56	Lý Thị Phương Mê	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Tò	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
57	Đặng Phú Minh	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Đào Tinh	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
58	Phùng Thúy Nga	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Kiềm Nhân	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
59	Hàng Gia Nghĩa	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Hàng A Chảo	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
60	Lý Việt Phúc	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Láo Lù	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
61	Tần Duy Phúc	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo Lở	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
62	Lầu Thị Si	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Và	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
63	Hàng Thị Sỏ	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Hàng A Vàng	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
64	Giàng Thị Sua	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sảo	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
65	Lầu A Thận	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Tủa	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
66	Đặng Thị Thơm	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Tồn Phin	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
67	Chảo Thị Thu	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Tả	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
68	Lý A Thuận	6A2	Hộ nghèo	150.000	4	600.000	Lý A Sa	Bản Co Lót 1	Mường Nhé
69	Giàng Thị Trang	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Káng	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
70	Phùng Thị Trúc	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Trần Nhân	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
71	Vàng Viện Uyên	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Lão Si	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
72	Vàng Thị Vân	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Láo Tả Liềm	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
73	Giàng Thị Xia	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Dể	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
74	Lý Xuân Xy	6A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Páo	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
75	Vàng Văn Đại An	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Lão Si	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
76	Giàng Thị Bông Bay	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Tú	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
77	Kháng Thị Bia	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Kháng A Chảo	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
78	Tráng Thị Chàng	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Thị Dở	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
79	Vàng Thị Chi	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Cát	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
80	Lầu A Chờ	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Chu	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
81	Giàng Thị Dợ	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Tề	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
82	Giàng Thị Kim Dung	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Nhìa	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
83	Giàng Thị Giải	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Vàng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè

84	Chó A Giông	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chó A Khẩu	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
85	Giàng Đức Hải	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Thị Mẩy	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
86	Thào Xuân Hán	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Khái	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
87	Giàng Thị Hoa	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Đình	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
88	Giàng Thị Khư	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
89	Giàng Thị Lau	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Phải	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
90	Lý A Lâu	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Lử	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
91	Tần Thị Mai	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Phủ Chiêu	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
92	Giàng Minh Phúc	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Đế	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
93	Giàng Thị Ngọc Phương	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Đình	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
94	Giàng Thị Sinh	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Hờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
95	Lý A Song	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Phàng Thị Nú	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
96	Giàng Thị Sơ	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
97	Giàng Thị Sơ	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
98	Giàng Thị Sơ	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Thị Dí	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
99	Giàng A Thanh	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Tổng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
100	Chảo Thị Thảo	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Lở	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
101	Vàng A Thương	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Sỉ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
102	Thào A Trường	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Thào Seo Đế	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
103	Giàng Thị Tùng	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
104	Giàng Thị Vẻ	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
105	Giàng Thị Lang Vinh	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Dững	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
106	Giàng Thị Xinh	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Mờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
107	Lầu A Anh	7A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Trừ	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
108	Chảo Văn Anh	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Duần Sinh	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
109	Vàng Ngọc Anh	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Láo San	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
110	Thào Thị Bàu	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Đai	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
111	Giàng A Chinh	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Chù	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
112	Vàng A Cường	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Sênh	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
113	Ma Thị Dính	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Ma Seo Pháng	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè

114	Sùng Thị Dĩnh	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Phía	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
115	Lầu Thị Dưa	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Đình	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
116	Lầu A Dung	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Giáo	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
117	Tần Văn Đạt	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo San	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
118	Lý A Đông	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Thị Cú	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
119	Giàng A Hoàng	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sì	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
120	Lầu A Hùa	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Vàng	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
121	Lầu Thị Li	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Nhè	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
122	Chảo Văn Long	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Ton Hang	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
123	Phùng Thị Mai	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Mùi Pham	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
124	Vàng Sứ Mấy	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Xuân Phây	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
125	Tần Trà My	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo Tả	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
126	Chảo Mùi Nải	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Pà	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
127	Bản Minh Nguyệt	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Mùi Pham	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
128	Tranh Chòi Nhân	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Thị Phái	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
129	Chảo Sánh Phây	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Cà Toan	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
130	Giàng A Phử	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Lênh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
131	Ma Thị Sáu	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Ma Seo Phử	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
132	Phùng Văn Sơn	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Trần Và	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
133	Tần Thắng Sơn	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Lự Mấy	Bản Huỗi Lự 1	Nậm Kè
134	Giàng Thị Thu	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Hè	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
135	Lầu Thị Pà Xe	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Giờ	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
136	Giàng Thị Xia	7A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sía	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
137	Chó A An	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chó A Khẩu	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
138	Giàng Tuấn Anh	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Phử	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
139	Giàng A Chia	8A1	KT	150.000	4	600.000	Lý Thị So	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
140	Vàng Đức Cường	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Lù Mấy	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
141	Sùng A Dão	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Tánh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
142	Giàng Xăng Dầu	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Lênh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
143	Giàng Thị Dí	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Đình	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
144	Chảo Mấy Diện	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Tả	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè

145	Lý Thị Dù	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tráng A Phùa	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
146	Sùng Thị Dung	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Vư	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
147	Giàng A Hải	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Chứ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
148	Vàng Thị Hoa	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Láo Tả	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
149	Thào A Hồng	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Đai	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
150	Chảo Mùi Lai	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Sánh Lin	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
151	Tần Thị Thu Lan	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo San	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
152	Tráng A Làng	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tráng A Trứ	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
153	Giàng Thị Liên	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Thị Cờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
154	Đặng Láo Lở	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Tà Ủ	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
155	Lý San Mảy	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Chín Thìn	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
156	Sùng A Minh	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Sinh	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
157	Sùng A Mông	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Hầu Thị Pờ	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
158	Giàng Thị Nhìa	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Chao	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
159	Giàng Thị Nu	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Seo Chá	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
160	Hàng Hình Quân	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Hàng A Vàng	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
161	Lầu A Sàng	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Sầu	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
162	Đặng Mùi Sênh	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Ton Khẻ	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
163	Giàng A Sinh	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Pénh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
164	Ma Thị Sông	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Ma A Lý	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
165	Giàng A Sừ	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Lao	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
166	Phản Láo Sừ	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Phản Phổng Chu	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
167	Hờ A Tang	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Thị Đế	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
168	Lý A Tớ	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Thị Chứa	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
169	Giàng Thị Sì Xua	8A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sảo	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
170	Chu Ngọc Ánh	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chu Văn Long	Bản Phiêng Vai	Nậm Kè
171	Lý Thị Chi	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Sầu	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
172	Kháng A Chi	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Kháng Seo Pe	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
173	Chảo Sánh Chiêu	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Quầy Phẫu	Bản Huỗi Lự 3	Nậm Kè
174	Chảo Văn Chiêu	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Chồng Phẫu	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
175	Giàng A Chính	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Mờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè

176	Ma A Chua	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Ma A Thanh	Bản Tàng Phon	Nậm Kè
177	Giàng A Coái	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Dính	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
178	Giàng A Dờ	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Thị Mỹ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
179	Giàng A Hùng	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Páo	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
180	Vàng A Khánh	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Mênh	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
181	Phùng Mùi Khé	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Tà Này	Bản Huổi Lụ 2	Nậm Kè
182	Sùng Thị Kía	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng Seo Dìn	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
183	Bàn Mùi Kiều	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Bàn Sánh Quáng	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
184	Phùng Vàng Lâm	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phùng Chòi Lìn	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
185	Tần Sủ Liều	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Phụ Triên	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
186	Vừ Thị Linh	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lờ Thị Mỹ	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
187	Thào Thị Ly	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Thào A Sà	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
188	Lý Thị Mấy	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Tồn Phảy	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
189	Vàng A Mông	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Si	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
190	Chảo Mùi Nải	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Cà Toan	Bản Huổi Lụ 2	Nậm Kè
191	Chảo Ton Nhện	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Tồn Sánh	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
192	Vàng Thị Nhi	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Hàng Thị La	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
193	Lý Thị Phạm	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Tồn Khé	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
194	Phàng Thị Sa	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Thị Cú	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
195	Lầu Thị Sênh	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Dình	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
196	Tần Sàng Sơn	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Tả Mấy	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
197	Lý A Thanh	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Dia	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
198	Tần Đức Thắng	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Cáo Dững	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
199	Đặng Thị Tuyết	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Tồn Phân	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
200	Chảo Thúy Vân	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Lở	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
201	Giàng Thị Về	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Chính	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
202	Tần Thị Thảo Vy	8A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần A Khé	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
203	Sùng Văn Ánh	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Vư	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
204	Sùng Thị Dương	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Thị Chứ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
205	Tráng Thị Đan	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tráng A Trứ	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
206	Phàn Ngọc Hoa	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Sủ Mấy	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè

207	Chảo Văn Hòa	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Duẩn Sinh	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
208	Phản Thị Mai Huân	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Phản Phủ Chấn	Bản Huỗi Lự 1	Nậm Kè
209	Nguyễn Minh Hùng	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Đàm Thị Hòa	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
210	Chảo Thị Linh	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Láo Khờ	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
211	Đặng Mùi Lúu	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Mùi Pham	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
212	Vàng Thị Lừ	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng A Lùng	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
213	Sùng Xuân Mạnh	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Sinh	Bản Huỗi Pết	Nậm Kè
214	Giàng Thị Mỹ	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Hờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
215	Giàng Thị Dung Nhi	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Tú	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
216	Chèo Thị Nhung	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Chèo Chín Khuôn	Bản Huỗi Lự 1	Nậm Kè
217	Tần Thị Ngọc Nhung	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo Lở	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
218	Tránh Chòi On	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Thị Phái	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
219	Lầu Thị Pe	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Vàng	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
220	Giàng Xuân Phiêu	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Dững	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
221	Giàng A Phổng	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Lồng	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
222	Lầu Thị Sế	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lầu A Sầu	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
223	Lý A So	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Nhè	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
224	Tần Đức Thắng	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo Ú	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
225	Tần Minh Văn	9A1	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Sài Siêu	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
226	Giàng A Đồng	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Cha	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
227	Sùng Thị Dung	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Thái	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
228	Cà Tùng Dương	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Cà Văn Ánh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
229	Giàng A Đạt	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Phải	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
230	Ma A Đồng	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Ma A Thanh	Bản Huỗi Lích 1	Nậm Kè
231	Giàng A Giống	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Thị Chấu	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
232	Sùng Đức Hiếu	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Sùng A Thẻ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
233	Giàng A Hoàng	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng Thị Cờ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
234	Vàng Quang Huy	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vàng Láo Lở	Bản Huỗi Lích 2	Nậm Kè
235	Tần Thị Thu Hương	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phản Lở Mảy	Bản Huỗi Lự 1	Nậm Kè
236	Tần Thị Khé	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Mùi Diết	Bản Huỗi Lự 2	Nậm Kè
237	Giàng Thị Lan	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A De	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè

238	Lý Thị Mề	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Phừ	Bản Pá Mỳ 3	Nậm Kè
239	Chảo Cờ Mùi	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần Láo Tả	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
240	Tần San Mấy Nhân	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tần A Khé	Bản Pá Mỳ 2	Nậm Kè
241	Chảo Xuân Páo	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Phủ Sềng	Bản Huổi Lụ 1	Nậm Kè
242	Phùng Thuý Phương	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Đặng Mùi Mẩn	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
243	Sần Dừn Quảng	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Chảo Mùi Phảy	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
244	Lý Hồng Quân	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý A Nhè	Bản Huổi Lụ 3	Nậm Kè
245	Giàng Thị Sinh	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Giàng A Sinh	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè
246	Lý Chàn Sinh	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Lý Láo Lù	Bản Huổi Lích 2	Nậm Kè
247	Tráng A Thá	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Tráng A Ly	Bản Huổi Lích 1	Nậm Kè
248	Vừ Thị Thu	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Vừ A Ly	Bản Huổi Pét	Nậm Kè
249	Phản Thuỷ Tiên	9A2	KVIII	150.000	4	600.000	Phản Láo Sừ	Bản Pá Mỳ 1	Nậm Kè

Danh sách gồm có 249 học sinh./.

DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN HỌC PHÍ 4 THÁNG CUỐI NĂM 2025
(Kèm theo quyết định số 133/QĐ-THCSPM ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Trường PTDTBT THCS Pá Mỳ)

TT	Trường	Số đối tượng được miễn,giảm học phí	Mức thu học phí/ tháng (Nghìn đồng)	Số tháng miễn, giảm	Tổng kinh phí cấp bù học phí (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	PTDTBT THCS Pá Mỳ	250	10	4	10,000	
	Tổng cộng	250	10	4	10,000	

DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP 4 THÁNG CUỐI NĂM 2025
(Kèm theo quyết định số 133/QĐ-THCSPM ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Trường PTDTBT THCS Pá Mỳ)

TT	Trường	Số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	Mức hỗ trợ (Nghìn đồng)	Số tháng hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ chi phí học tập (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	PTDTBT THCS Pá Mỳ	249	150	4	149,400	
	Tổng cộng	249	150	4	149,400	